

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ BỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *255*/UBND-NS

Trà Bồng, ngày *26* tháng 02 năm 2018

V/v khẩn trương cung cấp thông tin phục vụ công tác khảo sát lập kế hoạch kiểm toán

Kính gửi:

- Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện;
- Chi cục Thuế huyện;
- Kho bạc Nhà nước huyện;
- Phòng Nội vụ huyện;
- BQL dự án ĐTXD huyện.

Thực hiện Công văn số 873/UBND-KT ngày 09/02/2018 về việc khẩn trương cung cấp thông tin phục vụ công tác khảo sát lập kế hoạch kiểm toán. Chủ tịch UBND huyện có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Thủ trưởng các đơn vị: Chi cục Thuế huyện, Kho bạc Nhà nước huyện, Phòng Nội vụ huyện, BQL dự án ĐTXD huyện khẩn trương tổng hợp và cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu theo đúng nội dung biểu mẫu yêu cầu của Kiểm toán nhà nước khu vực III (có photo văn bản và tài liệu kèm theo) gửi về UBND huyện (qua phòng Tài chính - Kế hoạch huyện) thời gian hoàn thành chậm nhất là **14h ngày 27/02/2018**.

2. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp, tham mưu trình UBND huyện **trước 16h ngày 27/02/2018**.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc nội dung Công văn này./

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND huyện;
- C, PVP, CV (KT+NS);
- Lưu VT, TTr.



Nguyễn Xuân Bắc



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 873/UBND-KT

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 02 năm 2018

V/v khẩn trương cung cấp
thông tin phục vụ công tác khảo
sát lập kế hoạch kiểm toán

Kính gửi:

- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư,
Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường,
Y tế, Khoa học và Công nghệ,
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
Văn hóa, Thể thao và Du lịch,
Lao động - Thương binh và Xã hội,
Giáo dục và Đào tạo, Giao thông vận tải;
Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN;
- Thanh tra tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Trường Đại học Phạm Văn Đồng;
- UBND các huyện, thành phố;
- Ban QLDA ĐTXD các CT DD và CN tỉnh;
- Công ty TNHH MTV khai thác CT thủy lợi.

UBND HUYỆN TRÀ BÔNG

ĐẾN Số: 322
Ngày: 13/2/2018

Chuyển: *ĐƠN VI TÀI CHÍNH* *trên ngày*
Lưu hồ sơ số: *1.234 và các ngành*
Sơ bộ thực hiện kế toán

Theo đề nghị của Kiểm toán nhà nước khu vực III tại Công văn số 40/KV III-TH ngày 07/02/2018 về việc gửi thông tin chuẩn bị khảo sát lập kế hoạch kiểm toán (*bản chụp văn bản và tài liệu kèm theo*), Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành và Chủ tịch UBND các huyện nêu trên khẩn trương tổng hợp và trực tiếp cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu theo đúng nội dung biểu mẫu yêu cầu của Kiểm toán nhà nước khu vực III tại văn bản nêu trên, thời gian hoàn thành chậm nhất là ngày 26/02/2018.

2. Giao Sở Tài chính làm đầu mối theo dõi, đôn đốc các sở, ngành và địa phương thực hiện cung cấp thông tin cho Kiểm toán nhà nước khu vực III đảm bảo đầy đủ và đúng tiến độ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Kiểm toán nhà nước KV III;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, QTTV, CBTH;
- Lưu: VT, KT.dat75.



Phạm Trường Thọ

11/11/11

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 2 năm 2018

Kính gửi: UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Quyết định số 1786/QĐ-KTNN ngày 04/12/2017 của Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc giao nhiệm vụ kiểm toán năm 2018 cho các đơn vị trực thuộc Kiểm toán Nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-KV III ngày 31/01/2018 của Kiểm toán trưởng KTNN khu vực III về việc thành lập Đoàn khảo sát thu thập thông tin lập kế hoạch kiểm toán (KHKT) ngân sách địa phương (NSDP) năm 2017 của tỉnh Quảng Ngãi.

Đoàn khảo sát đề nghị UBND các huyện, thành phố cung cấp tài liệu liên quan đến các nội dung sau:

1. Tại Phòng Tài chính các huyện thành phố

- Hồ sơ xây dựng dự toán năm 2017 (Vòng 1 Sờ Tài chính thẩm định).
- Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND tỉnh về giao dự toán thu, chi năm 2017 và các quyết định điều chỉnh (nếu có).
- Kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn 2016-2020 đã được HĐND huyện thông qua;
- Các văn bản của trung ương điều chỉnh việc quản lý lập, chấp hành dự toán ngân sách năm 2017 (nếu có).
- Các văn bản của địa phương ban hành để triển khai thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg, Nghị định số 204/2013/NĐ-CP.
- Kế hoạch thu trên địa bàn, thu cân đối Phòng tài chính lập.
- Nghị quyết HĐND tỉnh ban hành về các khoản thu phí, lệ phí theo Luật phí lệ phí (nếu có); Các văn bản của địa phương về điều hành thực hiện dự toán thu ngân sách năm 2017; Các văn bản quy định về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ điều tiết giữa các cấp ngân sách của cấp có thẩm quyền.
- Báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu NSNN (thu nội địa, thu khác ngân sách) năm 2017, thuyết minh các khoản tăng, giảm.
- Sổ theo dõi, hạch toán các tài khoản tạm thu, tạm giữ, tiền gửi do Phòng Tài chính quản lý; bảng đối chiếu số dư (31/12/2017 và 31/01/2018) các tài khoản tạm thu, tạm giữ với KBNN; Hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xử lý các khoản tạm thu, tạm giữ, tiền gửi phát sinh trong năm 2017; Các văn bản của địa phương quy định về việc xử lý các khoản tạm thu, tạm giữ, tiền gửi do Phòng Tài chính quản lý (nếu có).

- Phương án phân bổ dự toán của UBND huyện trình HĐND huyện (tính toán theo định mức phân bổ NS được HĐND thông qua thời kỳ ổn định NS 2017-2020); Nghị quyết về giao dự toán ngân sách năm 2017 của HĐND huyện; các quyết định giao dự toán của UBND huyện cho các đơn vị.

- Văn bản Sở Tài chính thẩm định nguồn, nhu cầu CCTL năm 2017; Báo cáo tình hình sử dụng nguồn, nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (năm 2016, năm 2017).

- Báo cáo quyết toán thu, chi NSDP năm 2015; Báo cáo tình hình thực hiện thu, chi NSH năm 2017; Biên bản, thông báo thẩm tra quyết toán năm 2016, 2017 của Sở Tài chính (nếu có).

- Báo cáo thuyết minh kinh phí CTMT quốc gia, các mục tiêu nhiệm vụ được tình giao năm 2017 (Chi tiết KP tồn năm trước chuyển sang, dự toán giao năm 2017, quyết toán năm 2017, tồn chuyển sang năm 2018); Các văn bản (thông báo dự toán, quyết định) của UBND tỉnh về cấp kinh phí bổ sung có mục tiêu năm 2017.

- Các quyết định chi bổ sung kinh phí trong năm; các số liệu, tài liệu liên quan đến việc lập, thẩm định dự toán các khoản kinh phí bổ sung ngoài dự toán của huyện.

- Báo cáo tình hình thực hiện nguồn tăng thu ngân sách huyện (TP): Số thực hiện thu NSDP năm 2017 so với dự toán tình giao năm 2017; Dự toán tình giao năm 2017 so với dự toán tình giao năm 2016; Các hồ sơ, chứng từ liên quan đến việc xác định, trình phương án sử dụng nguồn tăng thu, thường vượt thu, phương án giảm thu (nếu có) và ý kiến của thường trực HĐND huyện theo quy định.

- Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến các khoản chi, sử dụng nguồn dự phòng ngân sách trong năm 2017, văn bản báo cáo Thường trực HĐND huyện hàng quý, báo cáo HĐND huyện ở kỳ họp gần nhất về việc sử dụng nguồn dự phòng ngân sách huyện.

- Các quyết định tạm ứng, ứng trước dự toán trong và ngoài dự toán năm 2017 và các năm trước của tỉnh, huyện (bao gồm cho các dự án đầu tư và các nhiệm vụ chi thường xuyên); các số liệu, tài liệu liên quan đến việc cho tạm ứng trong và ngoài dự toán của huyện và các tài liệu khác có liên quan.

- Báo cáo phân tích, thuyết minh kết dư ngân sách năm 2016, năm 2017.

- Nhật ký lệnh chi tiền năm 2017 và thời gian chính lý quyết toán.

- Các biên bản thẩm tra quyết toán ngân sách cấp xã, các đơn vị dự toán và đơn vị được hỗ trợ kinh phí (nếu có).

- Báo cáo tình hình mua sắm, thanh lý TSCĐ và hồ sơ, tài liệu có liên quan đến mua sắm, thanh lý năm 2017 và trước, sau có liên quan (các đơn vị dự toán cấp huyện quản lý; ngân sách xã quản lý).

- Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị thanh tra, kiểm toán năm 2016; kết quả thanh tra, kiểm tra năm 2017 và kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2017, số liệu đến thời điểm khảo sát (kèm biểu mẫu, thuyết minh nguyên nhân kết quả chưa thực hiện).

- Báo cáo giám sát của HĐND huyện về thực hiện giám sát các hoạt động tài chính, ngân sách ở địa phương, từ khâu lập, phân bổ dự toán cho đến quá trình thực hiện và quyết toán NS năm 2017.

- Báo cáo tình hình thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP và Nghị định 16/2015/NĐ-CP của toàn huyện năm 2017; Quyết định giao chỉ tiêu biên chế năm 2016, năm 2017 (Quyết định của Sở Nội vụ; Quyết định UBND huyện; Quyết định hoặc công văn hợp đồng ngoài biên chế huyện giao (nếu có).

- Hồ sơ lập dự toán thu các khoản thu để lại quản lý qua NSNN. Báo cáo tổng hợp và chi tiết số liệu ghi thu - ghi chi các khoản thu để lại chi quản lý qua NSNN năm 2017 (kèm Bảng tổng hợp thu, chi tiết từng đơn vị theo phụ lục yêu cầu).

- Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán ngân sách năm 2017; Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 03/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính-ngân sách nhà nước năm 2017.

- Kế hoạch đầu tư 5 năm giai đoạn 2017-2020, kế hoạch đầu tư giai đoạn 2017-2018 (nếu có); các Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy, HĐND về phát triển KT-XH và đầu tư giai đoạn 2017 – 2020 của địa phương (của tỉnh; của huyện);

- Báo cáo kết quả thẩm định, phân bổ vốn hoặc văn bản tham gia về phương án phân bổ vốn của Sở KH&ĐT, Sở Tài chính về nguồn vốn và tổng mức vốn của các dự án sử dụng vốn (đối với các dự án sử dụng ngân sách tỉnh) của phòng tài chính - kế hoạch (đối với các dự án sử dụng ngân sách huyện) trước khi UBND, HĐND huyện phân bổ;

- Quyết định của UBND tỉnh về phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư (kể cả các quyết định bổ sung vốn, điều chuyển trong nội bộ vốn ngành, lĩnh vực) đối với các dự án sử dụng ngân sách tỉnh và của UBND huyện đối với các dự án sử dụng ngân sách cấp huyện.

- Các văn bản thông báo vốn cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, các sở, cơ quan địa phương, Ban QLDA; Các văn bản điều chỉnh kế hoạch vốn của UBND tỉnh, UBND huyện cho các dự án; Hồ sơ, tài liệu liên quan đến điều chỉnh kế hoạch vốn của các dự án, chủ đầu tư.

- Các quyết định ứng trước, thu hồi kế hoạch vốn cho các dự án đầu tư trong năm 2017; Số liệu, tài liệu về ứng trước kế hoạch vốn cho các dự án dự đến 31/12/2017;

- Danh mục các dự án đầu tư sử dụng vốn hỗ trợ có mục tiêu NSTW (vốn trong nước) không điều chỉnh tổng mức đầu tư ban đầu, nhưng không cân đối được nguồn vốn NSTW kế hoạch năm 2017 để thực hiện.

- Các quyết định, văn bản phân cấp quản lý đầu tư của địa phương.

- Báo cáo tình hình nợ đọng XDCB năm 2016, năm 2017 của địa phương (báo cáo 6 tháng và cả năm; đột xuất); Báo cáo nợ đọng XDCB theo hướng dẫn tại Công văn số 3137/BKHĐT-TH ngày 22/5/2015 của Bộ KH&ĐT; Các tài liệu chi tiết có liên quan để tổng hợp, xác định nợ đọng XDCB năm 2016 của địa phương.

- Chiết xuất sổ S2-06d Liệt kê chứng từ phân hệ phân bổ ngân sách; sổ S2-06c Liệt kê chứng từ phân hệ quản lý chi, theo đó tách 12 đoạn mã trong hệ thống tổ hợp ra từng đoạn mã qua file Excel.

- Các biểu mẫu đính kèm và các tài liệu có liên quan khác.

2. Tại Chi cục thuế

- Hồ sơ xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2017, Quyết định giao dự toán thu năm 2017 của Cục Thuế (UBND tỉnh);

- Nghị quyết của HĐND về dự toán thu NSNN năm 2017;

- Báo cáo tổng hợp thu NSNN (BC3) năm 2016, 2017 có đối chiếu xác nhận của KBNN; Các văn bản thông báo số thu và điều chỉnh số thu Ngân sách của Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính;

- Báo cáo chi tiết thu NSNN theo mẫu BC4A, BC4B, BC5 năm 2017;

- Các biểu mẫu báo cáo nợ thuế năm 2016, 2017 (tháng 12/2016; tháng 12/2017) theo số 1401/QĐ-TCT ngày 28/7/2015 của Tổng cục Thuế (biểu số 01, 02, 06, 13, 16/QLN); mẫu 01/BCCC ban hành kèm Quyết định số 751/QĐ-TCT ngày 20/4/2015; Tổng hợp danh sách người nộp thuế được gia hạn nộp thuế còn nợ thuế tại thời điểm 31/12/2016;

- Báo cáo quyết toán thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, tiền thuê đất 2017;

- Báo cáo kết quả hoàn thuế năm 2017 (mẫu 09a, 9b, 10/QTr-HT);

- Các báo cáo 16,17,18,19/QTr-ĐKT ban hành kèm Quyết định số 329/QĐ-TCT ban hành ngày 27/3/2014 của Tổng cục Thuế.

- Báo cáo tổng hợp kết quả miễn thuế, giảm thuế (mẫu 06/QTr-MGT; 07/QTr-MGT ban hành kèm Quyết định 749/QĐ-TCT ngày 20/4/2015), gia hạn thuế năm 2017 theo chi tiêu: Số NNT, số tiền miễn giảm, loại thuế miễn giảm, văn bản quy định, hướng dẫn miễn giảm;

- Báo cáo kết quả xử lý hồ sơ khai thuế năm 2017 (mẫu số 31, 32/QTr-KK ban hành kèm theo Quyết định số 879/QĐ-TCT ngày 15/5/2015 của Tổng cục Thuế).

- Về thu phí và lệ phí:

- Danh sách quản lý các đối tượng thu phí và lệ phí;
 - Báo cáo tình hình thu, trích nộp phí - lệ phí năm 2017;
 - Thông kê thu phí, lệ phí tháng 12/2017 theo mẫu ban hành kèm Quyết định 1492/QĐ-TCT ngày 3/10/2012 của Tổng cục Thuế.
 - Tổng hợp bộ thuế môn bài 2017 (toàn tỉnh, các Chi cục Thuế); Sổ thuế GTGT và TNCN các đối tượng khoán (từ tháng 2/2017 đến kỳ lập bộ tháng 01/2017) Danh sách hộ kinh doanh không phải nộp thuế năm 2017 (kèm theo file dữ liệu);
 - Tài liệu về công tác kiểm tra thuế:
 - + Kế hoạch kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế 2017, 2018 và tình hình thực hiện đến thời điểm khảo sát (cuối tháng 2/2018);
 - + Báo cáo kết quả kiểm tra tại trụ sở của NNT năm 2017 theo Quyết định số 746/QĐ-TCT ngày 20/4/2015 của Tổng Cục Thuế.
 - Tổng hợp công tác tiếp dân, tình hình giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo về thuế toàn ngành thuế; Tổng hợp tình hình thực hiện kiểm tra nội bộ ngành thuế.
 - Tổng hợp hồ sơ xử phạt VPHC trong năm 2017;
 - Sổ bộ thuế
 - + Sổ bộ thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ từng tháng từ kỳ lập bộ tháng 2/2016 đến kỳ lập bộ tháng 01/2017 và từ tháng 2/2017 đến kỳ lập bộ tháng 01/2018 (file dữ liệu trên EXCEL);
 - + Sổ bộ thuế tài nguyên, thuế GTGT+TNDN nộp theo PP trực tiếp năm 2017 (file dữ liệu trên EXCEL);
 - + Sổ bộ thuế hộ khoán thuế: thuế GTGT, TNCN, Tài nguyên, TTĐB; Danh sách hộ KD không phải nộp thuế năm 2016 và 2017 (file dữ liệu trên EXCEL); Sổ theo dõi thu nộp thuế năm 2017.
 - + Sổ bộ thuế môn bài năm 2016 và 2017 (file dữ liệu trên EXCEL) của DN, hộ khoán thuế;
 - + Sổ theo dõi lập bộ và quyết toán các khoản thu về đất: thu tiền thuê đất, tiền SDD, thuế SDDNN và thuế SDD phi NN năm 2017 (file dữ liệu trên EXCEL);
 - Kết quả thu thuế GTGT vãng lai: thu qua Kho bạc, thu do các DN kê khai.
 - Các biểu mẫu đính kèm và các tài liệu có liên quan khác.
- 3. Tại Kho bạc nhà nước**
- 3.1. Báo cáo quản trị nghiệp vụ KBNN**
- Bảng cân đối tài khoản năm 2017 (kết xuất tại ngày 31/12/2017; ngày 31/01/2018).
 - Báo cáo các khoản phải thu, phải trả năm 2017 (B9-02/KB/TABMIS);

- Báo cáo các khoản tạm thu, tạm giữ chờ xử lý (B9-04/KB/TABMIS).
- 3.2. Các báo cáo tài chính theo Thông tư số 77/2017/TT-BTC, gồm:
 - 3.2.1. Báo cáo về tổng hợp dự toán
 - Tổng hợp phân bổ, giao dự toán chi ngân sách Tỉnh (huyện, xã) và chi trả nợ, niên độ 2017 (B1-01b/BC-NS/TABMIS);
 - Tổng hợp tình hình phân bổ, giao dự toán chi của các đơn vị dự toán cấp I NSTW (cấp tỉnh/huyện) niên độ 2017 (B1-02/BC-NS/TABMIS);
 - Tổng hợp tình hình phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên của các đơn vị dự toán cấp I NSTW (cấp tỉnh/huyện) niên độ 2017 (B1-02a/BC-NS/TABMIS);
 - 3.2.2. Báo cáo tổng hợp thu và vay của NSNN
 - Báo cáo thu và vay của NSNN niên độ 2017 (B2-01/BC-NS/TABMIS);
 - Báo cáo tổng hợp thu NSNN theo sắc thuế niên độ 2017 (B2-03/BC-NS/TABMIS);
 - Báo cáo thu NSNN ngành Hải quan niên độ 2017 (B2-04/BC-NS/TABMIS);
 - Báo cáo hoàn trả thu NSNN niên độ 2017 (B2-05/BC-NS/TABMIS)
 - 3.2.3. Báo cáo tổng hợp chi ngân sách
 - Báo cáo chi và trả nợ vay NSNN, niên độ 2017 (B3-01/BC-NS/TABMIS);
 - Báo cáo chi và trả nợ vay NSDP, niên độ 2017 (B3-02/BC-NS/TABMIS);
 - Báo cáo thực hiện chi, trả nợ ngân sách (cấp tỉnh/ cấp huyện/ cấp xã) niên độ 2017 (B3-05/BC-NS/TABMIS);
 - Báo cáo thực hiện chi đầu tư XD CB ngân sách (cấp tỉnh/cấp huyện/cấp xã) niên độ 2017 (B3-05a/BC-NS/TABMIS);
 - Báo cáo thực hiện chi thường xuyên ngân sách (cấp tỉnh/cấp huyện/cấp xã) niên độ 2017 (B3-05b/BC-NS/TABMIS);
 - 3.2.4. Báo cáo chi chương trình mục tiêu quốc gia
 - Chi các chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia, niên độ 2017 (B4-01/BC-NS/TABMIS);
 - Chi các chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia theo mục lục NSNN niên độ 2017 (B4-02/BC-NS/TABMIS);
 - 3.2.5. Báo cáo sử dụng kinh phí
 - Tình hình sử dụng dự toán chi Đầu tư phát triển NSTW (cấp tỉnh/cấp huyện/cấp xã) theo hình thức rút dự toán niên độ (B5-01/BC-NS/TABMIS);
 - Tình hình sử dụng dự toán chi đầu tư phát triển NSTW (cấp tỉnh/cấp huyện/cấp xã) theo hình thức lệnh chi tiền, niên độ 2017 (B5-02/BC-NS/TABMIS);

- Tình hình sử dụng dự toán chi thường xuyên NSTW (cấp tỉnh/cấp huyện/cấp xã) theo hình thức rút dự toán, niên độ 2017 (B5-03/BC-NS/TABMIS);

- Tình hình sử dụng dự toán chi thường xuyên NSTW (cấp tỉnh/cấp huyện/cấp xã) theo hình thức lệnh chi tiền, niên độ 2017 (B5-04/BC-NS/TABMIS);

- Tình hình sử dụng dự toán chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới của NSTW (cấp tỉnh/cấp huyện) niên độ 2017 (B5-05/BC-NS/TABMIS);

3.2.6. Vay, trả nợ Ngân sách địa phương niên độ 2017 (B6-02/BC-NS/TABMIS);

3.2.7. Báo cáo ghi thu, ghi chi vốn ngoài nước của ngân sách tỉnh/ thành phố niên độ 2017 (B7-02/BC-NS/TABMIS);

3.2.8. In sổ kế toán S2-06c/KB-Tab Liệt kê chứng từ phân hệ quản lý chi (chiết xuất file EXel). Sổ S2-06d/KB-Tab Liệt kê chứng từ phân hệ quản lý phân bổ ngân sách (chiết xuất file EXel); Sổ S2-06a/KB-Tab Liệt kê chứng từ phân hệ sổ cái (chiết xuất file EXel);

3.2.9. Báo cáo tổng kết công tác năm 2017 của KBNN huyện;

3.2.10. Biên bản kiểm tra, Kết luận thanh tra của các Đoàn kiểm tra, thanh tra đối với hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của KBNN trong năm 2017 như Thanh tra Bộ Tài chính, Thanh tra KBNN... (nếu có);

3.2.11. Các văn bản có liên quan đến công tác tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư XDCB năm 2017.

4. Tại Phòng Nội vụ

- Văn bản giao chỉ tiêu biên chế năm 2016, 2017 của UBND tỉnh cho thành phố, huyện;

- Văn bản giao chỉ tiêu biên chế năm 2016, 2017 HĐND, UBND huyện ho các đơn vị.

- Báo cáo tình hình tình giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Báo cáo về tình hình thực hiện quản lý biên chế công chức theo quy định tại Nghị định 21/2010/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Nội vụ; quản lý viên chức theo quy định tại Nghị định 41/2012/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn. Báo cáo nguyên nhân tăng giảm so biên chế TP giao và so với năm 2016.

- Báo cáo công tác thẩm định (1) Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; (2) Đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hàng năm của cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, huyện (kèm theo các văn bản, hồ sơ, biểu mẫu theo quy định của Bộ Nội vụ);

- Báo cáo công tác tổng hợp Danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý; xây dựng đề án vị trí việc làm của tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và báo cáo về Bộ Nội vụ theo quy định. Cung cấp các Đề án vị trí việc làm cơ cấu ngạch công chức, viên chức

- Báo cáo công tác thẩm định và giao kế hoạch biên chế công chức 3 năm (năm 2016, năm 2017 và năm 2018) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý (bao gồm khối Đảng, Đoàn thể); trong đó chỉ rõ các cơ quan đơn vị giao biên chế không đúng vị trí, việc làm theo chức năng nhiệm vụ quy định làm tăng biên chế và quỹ tiền lương 3 năm.

- Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện công tác tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cụ thể năm 2016, năm 2017 và năm 2018. Cung cấp danh sách số lượng cán bộ công chức, viên chức đã tinh giản biên chế (đã có quyết định tinh giản biên chế), chi tiết theo đơn vị, địa phương, thời điểm tinh giản biên chế theo quyết định, số tiền được hưởng theo chế độ và đã được các cơ quan chức năng thẩm định.

Cung cấp số liệu tại phụ biểu số 06, 07/KS-PTC kèm theo.

5. Tại Ban quản lý các dự án Đầu tư Xây dựng huyện, thành phố

- Quyết định thành lập Ban quản lý (kèm theo bản quy định chức năng, nhiệm vụ của Ban quản lý).

- Cung cấp (nếu có): Kết quả (quyết định, biên bản làm việc, kết luận,...) về tình hình thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan có thẩm quyền đối với đơn vị trong năm 2017; quyết định (hoặc kế hoạch) thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan có thẩm quyền đối với đơn vị trong năm 2018.

- Cung cấp thông tin về tình hình thực hiện Luật Đấu thầu trong năm 2017;

- Cung cấp các Báo cáo theo Mẫu biểu số 01, 02, 03, 04/CĐT quy định tại Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính;

- Tổng hợp và báo cáo tình hình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo biểu số 12/QTDA theo Thông tư 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016.

- Cung cấp số liệu tại Phụ biểu từ số 02- 07/KS-NSH kèm theo.

Đề nghị UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các đơn vị cung cấp các tài liệu, thông tin nêu trên cho Đoàn sát trước ngày **26/2/2018** (bản giấy về địa chỉ Kiểm toán nhà nước khu vực III, số 18 đường Phan Đình Phùng, TP Đà Nẵng và file điện tử qua hộp thư *phamvananh2710@gmail.com*).

(Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi thông báo và chuyển nội dung yêu cầu và tất cả các biểu mẫu cho UBND các huyện, thành phố báo cáo).

Ngoài ra, trong quá trình khảo sát, căn cứ vào tình hình thực tế, Đoàn khảo sát có thể sẽ yêu cầu bổ sung một số thông tin khác trong nội dung và phạm vi khảo sát theo quy định.

Rất mong sự phối kết hợp của địa phương và các đơn vị.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đoàn khảo sát (lưu hồ sơ).

TRƯỞNG ĐOÀN KHẢO SÁT



Nguyễn Huy Hải
Số hiệu Thẻ KTVNN: B0313



**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017
CỦA THÀNH PHỐ (HUYỆN)**

Phụ lục số 01/KHKT-NSH

Phần thu	Thực hiện năm 2016	Thực hiện (ước thực hiện)		Phần chi	Thực hiện năm 2016	Thực hiện (ước thực hiện)		
		Tổng số	Thu NS cấp huyện			Thu NS xã	Tổng số	Chi NS cấp huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng số thu				Tổng số chi				
A Tổng số thu cân đối ngân sách				A Tổng số chi cân đối ngân sách				
1 Các khoản thu NSDP hưởng				1 Chi đầu tư phát triển				
2 Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %				2 Chi thường xuyên				
3 Thu kết dư năm trước				3 Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới				
4 Thu chuyển nguồn từ năm trước				4 Chi chuyển nguồn sang năm sau				
5 Thu viện trợ								
6 Thu bổ sung từ ngân sách cấp								
Tr.đó: - Bổ sung cân đối ngân sách								
- Bổ sung có mục tiêu								
- Kết dư ngân sách năm quyết toán = (thu - chi)								



**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2017
CỦA THÀNH PHỐ (HUYỆN)**

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Nội dung chi	Thực hiện năm 2016		Dự toán năm 2017		Quyết toán năm 2017				So sánh	
		Tổng chi NSDP	Tổng chi NS cấp tỉnh	Cấp trên giao	HĐND quyết định	Tổng số Chi NSDP	Chi NS cấp tỉnh	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH										
I	Chi đầu tư phát triển										
1	Chi đầu tư phát triển cho chương trình, dự án theo lĩnh vực										
1.1	Chi quốc phòng										
1.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội										
1.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề										
1.4	Chi Y tế, dân số và gia đình										
1.5	Chi Văn hóa thông tin										
1.6	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn										
1.7	Chi Thể dục thể thao										
1.8	Chi Bảo vệ môi trường										
1.9	Chi các hoạt động kinh tế										
1.10	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể										
1.11	Chi Bảo đảm xã hội										
1.12	Chi ngành, lĩnh vực khác										
										
2	Chi đầu tư phát triển khác										
3										
II	Chi thường xuyên										
2.1	Chi quốc phòng										

	Nội dung chi	Thực hiện năm 2016		Dự toán năm 2017		Quyết toán năm 2017				So sánh	
		Tổng chi NSDP	Tổng chi NS cấp tỉnh	Cấp trên giao	HĐND quyết định	Tổng số Chi NSDP	Chi NS cấp tỉnh	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
2.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội										
2.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề										
2.4	Chi Y tế, dân số và gia đình										
2.5	Chi Văn hóa thông tin										
2.6	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn										
2.7	Chi Thể dục thể thao										
2.8	Chi Bảo vệ môi trường										
2.9	Chi các hoạt động kinh tế										
2.10	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể										
2.11	Chi Bảo đảm xã hội										
2.12	Chi khác										
III	Chi chuyển nguồn										
B	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI										
1	Bổ sung cân đối										
2	Bổ sung có mục tiêu										
	<i>Tr. đó: - Bằng nguồn vốn trong nước</i>										
	<i>- Bằng nguồn vốn ngoài nước</i>										
C	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN										
	TỔNG SỐ (A+B+C)										

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NĂM 2017
CỦA CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN THUỘC THÀNH PHỐ (HUYỆN)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Dự toán HĐND giao	Thực hiện năm 2017	Ghi chú					
				Tự chủ NĐ130	Tự chủ theo NĐ43, NĐ 16				Chưa khoán chi
					Loại I	Loại II	Loại III	Loại IV	
1	Văn phòng UBND								
2	Phòng GD-ĐT (các đơn vị trực thuộc)								
3								
								
								
								
								
TỔNG CỘNG									



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÓ THU THÀNH PHỐ (HUYỆN)..... NĂM 2017

Đơn vị tính: ...

TT	Tên đơn vị	Dự toán thu	Thực hiện năm 2017	Số phải nộp NSNN	Số được để lại sử dụng	Số đã sử dụng	Số còn lại chưa sử dụng	Ghi chú
	TỔNG CỘNG							



BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2017

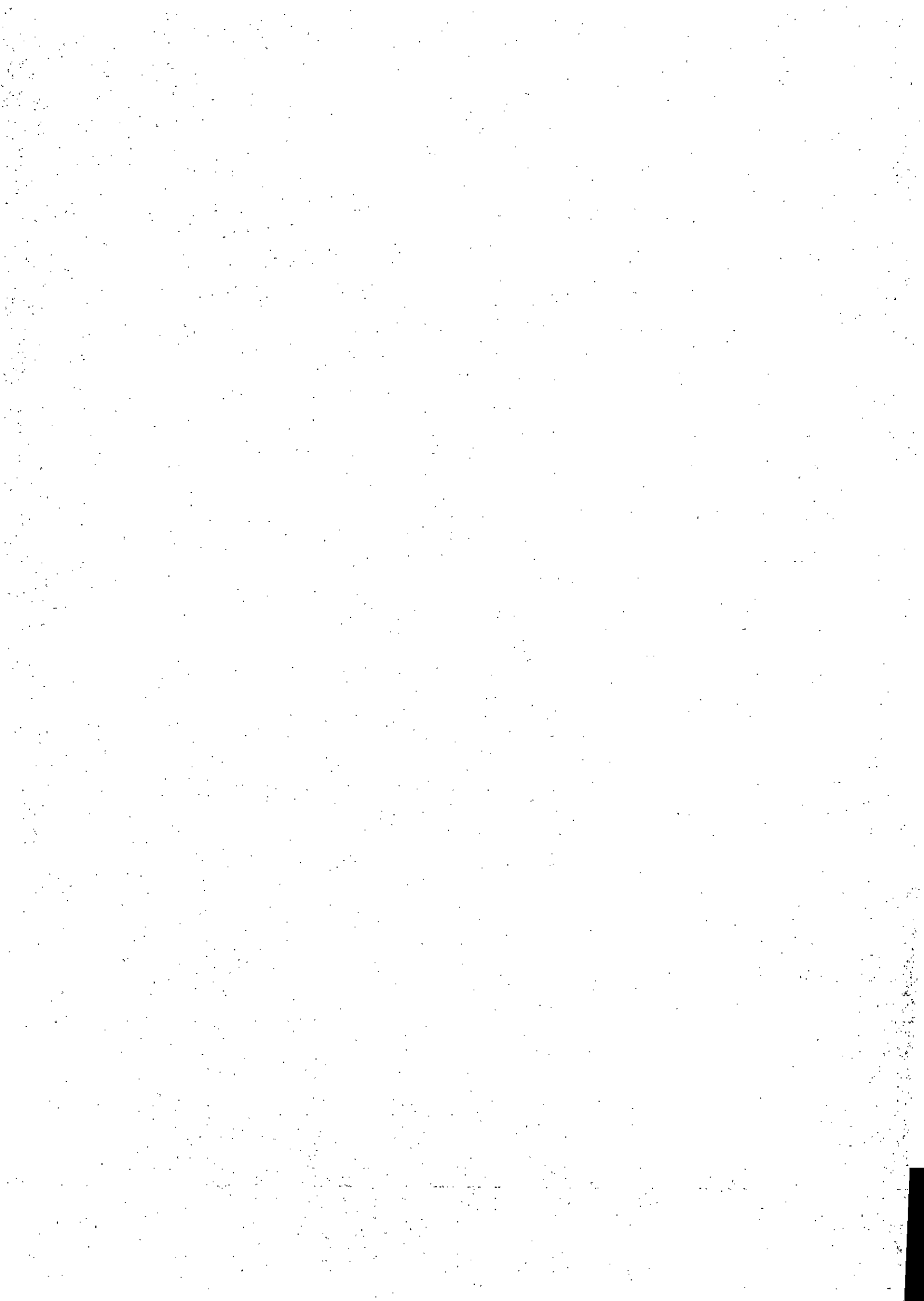
Phụ biểu 03/KS-PTC

Đơn vị tính: Đồng

STT	NGUỒN VỐN				SỬ DỤNG VỐN			NGUỒN VỐN CÒN LẠI			
	Nội dung	Số dư đầu năm	Kế hoạch vốn giao trong năm (kể cả bổ sung)	Tổng số	Tổng số vốn đã thanh toán	Trong đó		Tổng số	Nguồn vốn đề nghị thu hồi bố trí lại năm sau	Số vốn kéo dài sang năm sau	Số vốn không được phép kéo dài phải nộp trả do thừa, do hủy KHV
						Thanh toán KL hoàn thành	Vốn tạm ứng chưa thu hồi				
1	2	3	4	5=3+4	6=7+8	7	8	9=5-6	10=9-11	11	12
	Tổng số										
A	Nguồn NSDP										
I	Cân đối NS										
1											
2											
3											
II	Nguồn KP bổ sung có mục tiêu,										
1											
2											
3											
4											
5											
11											
III	Nguồn KP CTMTQG										
1											
2											
...											
IV	Nguồn vốn đầu tư có mục đích										

STT	NGUỒN VỐN				SỬ DỤNG VỐN			NGUỒN VỐN CÒN LẠI			
	Nội dung	Số dư đầu năm	Kế hoạch vốn giao trong năm (kể cả bổ sung)	Tổng số	Tổng số vốn đã thanh toán	Trong đó		Tổng số	Nguồn vốn để nghị thu hồi bỏ tri lại năm sau	Số vốn kéo dài sang năm sau	Số vốn không được phép kéo dài phải nộp trả do thừa, do hủy KHV
						Thanh toán KL hoàn thành	Vốn tạm ứng chưa thu hồi				
1	nguồn thu tiền sử dụng đất										
2	Nguồn thu từ tiền thuê đất										
3											
4											
B	Nguồn vốn TPCP										
I											
II											
1											
2											
3											
III											
IV	I										
V											
C	Nguồn NSTP ứng trước, tạm ứng										
1											
2											
3											
.....											

Phân bổ và sử dụng KINH phí đầu tư XDCB cấp huyện (đơn vị tính: triệu đồng)		Thống kê chi tiết																					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
<p>1. Nguồn vốn đầu tư XDCB cấp huyện (đơn vị tính: triệu đồng)</p> <p>1.1. Nguồn vốn đầu tư XDCB cấp huyện (đơn vị tính: triệu đồng)</p> <p>1.2. Nguồn vốn đầu tư XDCB cấp huyện (đơn vị tính: triệu đồng)</p> <p>1.3. Nguồn vốn đầu tư XDCB cấp huyện (đơn vị tính: triệu đồng)</p> <p>1.4. Nguồn vốn đầu tư XDCB cấp huyện (đơn vị tính: triệu đồng)</p> <p>1.5. Nguồn vốn đầu tư XDCB cấp huyện (đơn vị tính: triệu đồng)</p> <p>1.6. Nguồn vốn đầu tư XDCB cấp huyện (đơn vị tính: triệu đồng)</p> <p>1.7. Nguồn vốn đầu tư XDCB cấp huyện (đơn vị tính: triệu đồng)</p> <p>1.8. Nguồn vốn đầu tư XDCB cấp huyện (đơn vị tính: triệu đồng)</p> <p>1.9. Nguồn vốn đầu tư XDCB cấp huyện (đơn vị tính: triệu đồng)</p> <p>1.10. Nguồn vốn đầu tư XDCB cấp huyện (đơn vị tính: triệu đồng)</p> <p>1.11. Nguồn vốn đầu tư XDCB cấp huyện (đơn vị tính: triệu đồng)</p> <p>1.12. Nguồn vốn đầu tư XDCB cấp huyện (đơn vị tính: triệu đồng)</p> <p>1.13. Nguồn vốn đầu tư XDCB cấp huyện (đơn vị tính: triệu đồng)</p> <p>1.14. Nguồn vốn đầu tư XDCB cấp huyện (đơn vị tính: triệu đồng)</p> <p>1.15. Nguồn vốn đầu tư XDCB cấp huyện (đơn vị tính: triệu đồng)</p> <p>1.16. Nguồn vốn đầu tư XDCB cấp huyện (đơn vị tính: triệu đồng)</p> <p>1.17. Nguồn vốn đầu tư XDCB cấp huyện (đơn vị tính: triệu đồng)</p> <p>1.18. Nguồn vốn đầu tư XDCB cấp huyện (đơn vị tính: triệu đồng)</p> <p>1.19. Nguồn vốn đầu tư XDCB cấp huyện (đơn vị tính: triệu đồng)</p> <p>1.20. Nguồn vốn đầu tư XDCB cấp huyện (đơn vị tính: triệu đồng)</p> <p>1.21. Nguồn vốn đầu tư XDCB cấp huyện (đơn vị tính: triệu đồng)</p> <p>1.22. Nguồn vốn đầu tư XDCB cấp huyện (đơn vị tính: triệu đồng)</p>																							



ĐƠN VỊ

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HIỆN CÓ TRONG CƠ QUAN KHỎI ĐẢNG

Phụ biểu 06/KS-PTC

TT	Đơn vị	Biên chế được giao năm 2017				Có mặt đến 31/12/2017				Biên chế chưa thực hiện năm 2017				Lao động hợp đồng khác				Ghi chú
		Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh	Biên chế công chức theo chức danh	Hợp đồng lao động theo ND 68/2000/N	Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh	Biên chế công chức theo chức danh	Hợp đồng lao động theo ND 68/2000/N	Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh	Biên chế công chức theo chức danh	Hợp đồng lao động theo ND 68/2000/N	Số được giao năm 2017			Số lao động bình quân trong năm (nếu	
														Sinh viên thu hút, đề án	Lao động hợp đồng khác	Số người có mặt đến		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	
	TỔNG CỘNG																	
1	Đơn vị ...																	
2	Đơn vị ...																	
3	Đơn vị ...																	
4	Đơn vị ...																	
5	Đơn vị ...																	

Phòng Nội vụ cung cấp thông tin



BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN NĂM 2017 CỦA QUẬN (HUYỆN)

Phụ biểu 07/KS-PTC

STT	NỘI DUNG	BIÊN CHẾ ĐƯỢC CẤP CÓ	SỐ ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LƯƠNG CÓ		KINH PHÍ TIỀN LƯƠNG ĐƯỢC GIAO				KINH PHÍ TIỀN LƯƠNG QUYẾT TOÁN TRONG NĂM					
			ĐẾN 01/01/2017	ĐẾN 31/12/2017	CỘNG	Lương, phụ cấp, trợ cấp	Lương, phụ cấp, trợ cấp	CỘNG	LƯƠNG NGẠCH, BẠC	CÁC KHOẢN PHỤ CẤP	CÁC KHOẢN ĐÓNG	...	
														4
1	TỔNG CỘNG													
1	Đơn vị ...													
2	Đơn vị ...													
3	Đơn vị ...													
4	Đơn vị ...													
5	Đơn vị ...													

Ghi chú: Quỹ lương quyết toán là quỹ tiền lương thực tế quyết toán tại đơn vị lấy theo số liệu quyết toán tại BCTC của các đơn vị bao gồm cả nguồn NSNN, nguồn thu của đơn vị và các nguồn khác...

Phòng Nội vụ cung cấp thông tin



TÌNH HÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU NĂM 2017
Của Ban quản lý dự án huyện

Phụ biểu số 03/KS-NSH

Stt	Tên dự án, công trình (hạng mục công trình, gói thầu)	Hình thức lựa chọn nhà thầu (Đấu thầu, chỉ định...)	Giá trị dự toán được duyệt	Kế hoạch đấu thầu			Kết quả đấu thầu			Chênh lệch	Đơn vị trúng thầu	Kế hoạch vốn bố trí năm 2017	Ghi chú
				Số QĐ; ngày tháng năm	Đơn vị phê duyệt	Giá gói thầu	Số QĐ; ngày tháng năm	Đơn vị phê duyệt	Giá trúng thầu				
1													
2													
3													
...													
	Tổng cộng												

Ghi chú: Liệt kê tất cả các gói thầu (XL, TV, mua sắm thiết bị) theo hình thức đấu thầu, chỉ định...

Người lập biểu

Quảng Ngãi, ngày.... tháng...năm 2018
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Stt	Chỉ tiêu (dự án)	Tổng mức đầu tư	Tổng dự toán được duyệt	Thời gian thực hiện (KC-HT)	Giá trị khối lượng còn nợ đến hết năm 2016	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2017				Giá trị khối lượng hoàn thành năm 2017		Giá trị thanh toán năm 2017		Lũy kế giá trị khối lượng hoàn thành lũy kế đến hết năm 2017		Lũy kế thanh toán từ KC đến hết năm 2017	
						Tổng số	Đầu năm	Điều chỉnh, bổ sung lần 1	...	Tổng số	Trong đó: xây lắp	Tổng số	Trong đó: tạm ứng chưa thu hồi	Tổng số	Trong đó: xây lắp	Tổng số	Trong đó: tạm ứng chưa thu hồi
1	2	3	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
3	Dự án hoàn thành																
-	Dự án...																
4	Dự án trả nợ																
-	Dự án...																
5	Dự án CBĐT, quy hoạch																
-	Dự án...																
III	Nguồn vốn																

Quảng Ngãi, ngày.... tháng... năm 2018

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Người lập biểu

BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỢ KHỐI LƯỢNG XDCB ĐẾN HẾT NĂM 2017

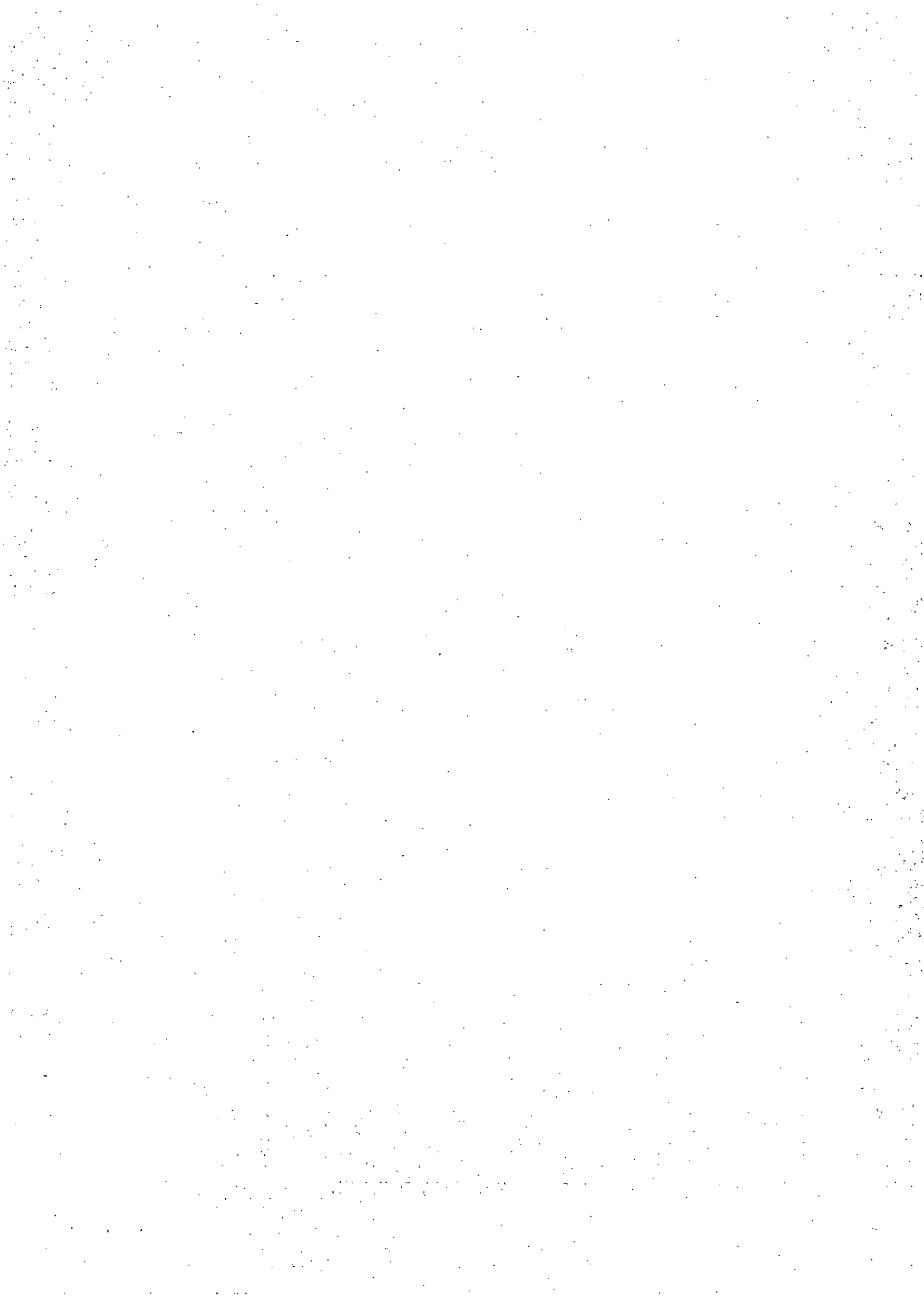
Của Ban quản lý dự án huyện

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	TMDT được duyệt/ tổng dự toán	Tổng giá trị KLTH đến 31/12/2016	Tổng giá trị đã thanh toán (gồm cả tạm ứng) đến 31/01/2017 của KHV năm 2016 trở về trước	Kế hoạch vốn đã bố trí năm 2017	Lũy kế giá trị KLTH đến 31/12/2017		Lũy kế giá trị đã thanh toán đến 31/01/2018 (bao gồm cả tạm ứng)		Tổng KLTH chưa thanh toán chuyển năm sau		Kế hoạch vốn bố trí năm 2018	Ghi rõ nguyên nhân phát sinh nợ XDCB năm 2017	Ghi chú
						Tổng số	Riêng KLTH năm 2017	Tổng số	Thanh toán từ KHV năm 2017	Tổng KLTH chưa thanh toán chuyển năm sau	Riêng KLTH năm 2017			
TỔNG CỘNG														
1	Dự án
2	Dự án
3	Dự án
4	Dự án
5	Dự án

Ghi chú: Trên cơ sở số liệu nợ XDCB, xác định nợ theo từng nguồn vốn (Trung ương, tỉnh, huyện, xã....)

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2018
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



BÁO CÁO CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN KIỂM TOÁN CHI TIẾT ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/01/2018
Của Ban quản lý dự án huyện

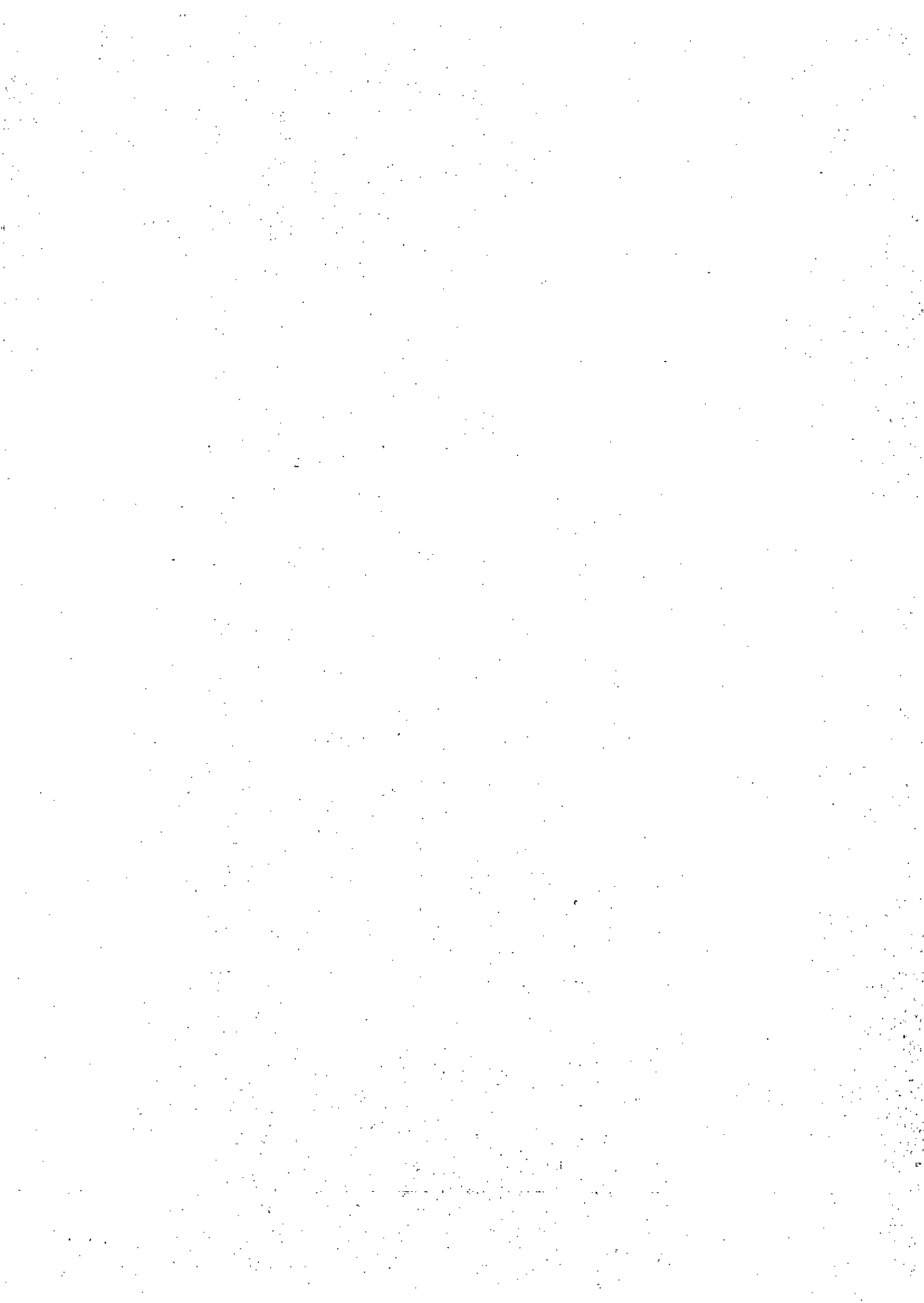
(Báo cáo số liệu các dự án kèm theo Công văn số 1718/KTNN-TH ngày 29/12/2017 của Tổng Kiểm toán nhà nước đã gửi cho UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư (sau khi điều chỉnh)	Giá trị dự toán được duyệt của từng gói thầu	Giá trị hợp đồng (chỉ đối với các gói thầu)	Giá trị khối lượng thực hiện lũy kế từ khởi công đến 31/12/2017	Giá trị thanh toán lũy kế từ khởi công đến hết 31/01/2018	Nhà thầu thi công	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	13	14
A	Dự án ...								
1	Chi phí xây lắp								
1	Gói thầu...								
2								
	II Chi thiết bị, Khác, QLDA...								
1	Gói thầu...								
2	Chi...								
	III Chi đền bù, GPMB								
1	Chi trực tiếp cho đền bù								
2	Chi cho phục vụ công tác đền bù...								
	B Dự án Đường trục chính vào Khu công nghiệp Tam Thăng								
1	Chi phí xây lắp								
1	Gói thầu...								
2								
	II Chi thiết bị, Khác, QLDA...								
1	Gói thầu...								
2	Chi...								
	III Chi đền bù, GPMB								
1	Chi trực tiếp cho đền bù								
2	Chi cho phục vụ công tác đền bù...								
	B Dự án...								

Người lập biểu

Quảng Ngãi, ngày... tháng... năm 2018

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ





DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐƯỢC PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ HOÀN THÀNH NĂM 2017

Của Ban quản lý dự án huyện

ST T	Tên dự án; hạng mục công trình	Chủ đầu tư (hoặc BQLDA)	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Giá trị dự toán được duyệt	Thời gian nghiệm thu bàn giao đưa vào SD (ngày ký bàn giao)	Thời gian lập BCQT (ngày nhận hồ sơ thẩm tra)	Giá trị quyết toán A - B	Quyết định phê duyệt quyết toán		Giá trị quyết toán được duyệt	Số thanh toán, tạm ứng đến ngày phê duyet quyết toán	Số thanh toán vượt giá trị QT chưa thu hồi	Ghi chú
										Số QĐ	Ngày/tháng/ năm				
I	Danh mục công trình đã thẩm tra, phê duyệt														
II	Danh mục công trình đã gửi nhưng chưa phê duyệt														
III	Danh mục công trình đã quá thời gian lập báo cáo quyết toán nhưng chưa được chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán														
TỔNG CỘNG															

Quảng Ngãi, ngày... tháng... năm 2018

Người lập

Thủ trưởng đơn vị

